

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2020 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2021

*Lương Văn Khôi *, Trần Thị Thu Hà ***

Thế giới năm 2020 với đại dịch cúm do virus SARS-CoV-2 (còn gọi là đại dịch Covid-19) ghi nhận cuộc khủng hoảng y tế toàn cầu vô cùng nghiêm trọng. Đại dịch này đã khiến hầu hết các nền kinh tế trên thế giới suy giảm trầm trọng và buộc các chính phủ phải ban hành các gói cứu trợ và kích thích kinh tế. Cùng với các sự kiện nổi bật khác của kinh tế thế giới năm 2020, đại dịch Covid-19 và các xu hướng kinh tế chính trị phát sinh từ đại dịch sẽ tạo ra những thay đổi và tác động lớn đến triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2021.

1. Kinh tế thế giới 2020- những đặc điểm nổi bật

1.1. Đại dịch Covid-19 và các xu hướng hậu đại dịch Covid-19

Khởi phát tại Vũ Hán (Trung Quốc) vào cuối năm 2019, đại dịch Covid-19 lây lan nhanh và rộng ra khắp toàn cầu, tính đến nay đã lan tới 220 quốc gia và vùng lãnh thổ. Thống kê đến tháng 12/2020, toàn thế giới ghi nhận hơn 72 triệu ca nhiễm và trên 1,6 triệu ca tử vong do đại dịch COVID-19. Hầu hết các quốc gia đều có thời điểm phải tạm đóng cửa; các chính phủ ban bố lệnh phong tỏa, hạn chế đi lại, yêu cầu giãn cách xã hội. Hơn một nửa dân số thế giới phải sống trong tình trạng giãn cách xã hội; hầu hết các ngành kinh tế trên thế giới đều chịu những thiệt hại nặng nề. Cho đến nay, dịch Covid-19 vẫn còn tiếp diễn khá nghiêm trọng. Mặc dù phần lớn các nước đều đã đi qua giai đoạn đỉnh dịch và các biện pháp kiểm soát dịch trên thế giới đã phát huy những hiệu quả nhất định, song một số quốc gia

vẫn đang là điểm nóng với hàng nghìn ca nhiễm mỗi ngày. Nhiều nước đã phải đối mặt với làn sóng dịch Covid-19 thứ 2, thứ 3 như châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Mỹ là quốc gia có số người mắc cao nhất thế giới với 16.549.366 trường hợp và 305.082 trường hợp tử vong. Ấn Độ là quốc gia đứng thứ hai thế giới về số trường hợp mắc với 9.857.380 ca nhiễm (143.055 trường hợp tử vong). Tiếp theo là Brazil với 181.143 trường hợp tử vong trong số 6.880.595 ca nhiễm.

Do ảnh hưởng của các biện pháp chống đại dịch của các nước, các chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu bị gián đoạn, thương mại và đầu tư thế giới ngừng trệ, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều rơi vào suy thoái trầm trọng trong 2 quý đầu năm 2020 và chỉ bắt đầu phục hồi từ quý III/2020. Giá cả hàng hoá thế giới hạ nhiệt, tình trạng giảm phát kéo dài ở nhiều nền kinh tế trong nhiều tháng. Giá dầu, giá cả các đồng tiền biến động mạnh. Chính sách bảo hộ thương mại gia tăng. Căng thẳng và bất ổn chính trị dấy lên ở nhiều khu vực, nhiều quốc gia. Đại dịch Covid-19 đã, đang và sẽ làm thay đổi và nảy sinh nhiều xu hướng kinh tế và chính trị, sẽ ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới trong trung và dài hạn.

1.2. Các gói hỗ trợ của chính phủ và rủi ro nợ công, thâm hụt ngân sách

Ảnh hưởng nghiêm trọng và kéo dài của đại dịch đã khiến các quốc gia trên toàn cầu đều đưa ra các gói hỗ trợ và kích thích nền kinh tế. Theo thống kê của IMF (2020b), các chính phủ đã cung cấp khoảng 12.000 tỷ USD để hỗ trợ tài chính cho các

.....
*, ** Trung tâm Thông tin và Dự báo
Kinh tế - xã hội quốc gia, Bộ KH&ĐT

hộ gia đình và doanh nghiệp đi kèm các hành động chính sách tiền tệ chưa từng có, nhờ đó đã duy trì dòng chảy tín dụng, giúp hàng triệu công ty tiếp tục kinh doanh.

IMF (2020c) đã cảnh báo nhiều quốc gia dễ bị tổn thương hơn do mức nợ đã tăng lên trong bối cảnh phải tăng chi tiêu tài khóa để ứng phó với dịch bệnh, trong khi thu ngân sách lại sụt giảm. Nợ công trung bình của các nước trên thế giới được IMF dự báo tăng từ 83% GDP lên 98,7% năm 2020, 99,8% năm 2021 và 100,1% năm 2025. Phần lớn các nền kinh tế chủ chốt trên thế giới đều đạt mức nợ công lớn hơn so với GDP trong giai đoạn 2020-2025, trong đó, Nhật Bản được dự báo là nước có mức nợ công cao nhất khi chiếm tới gần 300% GDP, theo sau đó lần lượt là Italy và Mỹ. Nợ công của các nền kinh tế đang nổi và thu nhập trung bình cũng tăng với tốc độ khá nhanh, đặc biệt trong trung hạn, từ mức 52,6% năm 2019, lên 62,2% năm 2020, 65% năm 2021 và 71,1% năm 2025. Braxin là nước có mức nợ công cao nhất trong số các nền kinh tế đang nổi và thu nhập trung bình với mức nợ công chạm mốc 101,4% năm 2020; 104,4% năm 2025 từ mức 89,5% năm 2019.

Thâm hụt cán cân ngân sách trung bình của thế giới được dự báo chạm mốc 2 con số (-12,7%) năm 2020 từ mức -3,1% vào năm 2019; sau đó hạ xuống -4,5% vào năm 2025. Thâm hụt ngân sách của các nền kinh tế phát triển đạt mức 14,4% năm 2020, từ mức 3,3% năm 2019, sau đó cải thiện ở mức 6,9% vào 2021 và 3,3% vào năm 2025. Trong đó, Canada chứng kiến mức tăng lớn nhất khi đạt mức thâm hụt 19,9% GDP, ngay sau đó là Mỹ với 18,7% GDP

vào năm 2020, sau đó giảm xuống mức 8,7% 2021 và 5,5% vào 2025. Thâm hụt ngân sách của các nền kinh tế đang nổi và thu nhập trung bình cũng cán mốc 2 con số vào năm 2020 với mức 10,7% năm 2020, tuy nhiên cải thiện chậm hơn các nước phát triển, với mức 9,2% năm 2021 và vẫn còn ở mức trung bình là 5,3% năm 2025. Braxin có mức thâm hụt ngân sách cao nhất trong nhóm với mức thâm hụt ngân sách tăng lên 16,8% năm 2020 từ mức 6,0% năm 2019, tuy nhiên, thâm hụt ngân sách của nước này được dự báo sẽ cải thiện nhanh ở mức 6,5% vào năm 2021 và 5,9% vào 2025.

1.3. Căng thẳng địa chính trị thế giới và thay đổi trật tự địa chính trị

Căng thẳng địa chính trị thế giới tiếp tục tăng nhanh sau đại dịch Covid-19 và để lại những hệ lụy lớn đối với kinh tế thế giới. IMF (2020a) cho rằng rủi ro địa chính trị có xu hướng tăng lên thời kỳ hậu dịch Covid-19, cụ thể nếu như giai đoạn 2000-2009, chỉ số rủi ro địa chính trị¹ là 100 điểm thì đến năm 2019, chỉ số này đã tăng mức trên 200 điểm, giảm xuống dưới 100 điểm trong thời điểm 6 tháng đầu năm 2020, khi dịch Covid-19 lây lan rộng. Tuy nhiên, chỉ số rủi ro địa chính trị lại có chiều hướng tăng cao, đỉnh điểm có những lúc lên đến 350 điểm khi đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát và được dự báo tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Nhiều nghiên cứu cho rằng, đại dịch Covid-19 sẽ thay đổi trật tự kinh tế thế giới dù cuộc tấn công vào sức khỏe con người sẽ chỉ là tạm thời, nhưng biến động chính trị và kinh tế mà nó mang lại có thể kéo dài qua nhiều thế hệ. EIU (4/2020) cho rằng những tác động về địa chính trị

¹ Ghi chú: Chỉ số rủi ro địa chính trị phản ánh kết quả tìm kiếm văn bản tự động của các kho lưu trữ điện tử của 11 tạp chí quốc tế. Chỉ số này được tính bằng cách đếm số lượng bài báo liên quan đến rủi ro địa chính trị trong mỗi tháng và được chuẩn hóa theo giá trị trung bình là 100 điểm trong giai đoạn 2000–2009

quan trọng từ đại dịch Covid-19 có thể bao gồm: (i) *Xu hướng dân tộc chủ nghĩa bộc lộ rõ hơn*. Các nước nhận ra rằng việc phụ thuộc quá nhiều vào chuỗi cung ứng ở nước ngoài sẽ dẫn đến rủi ro lớn khi có các cú sốc toàn cầu xảy ra, do vậy, sẽ đẩy mạnh xu hướng rút vốn về nước, củng cố chuỗi sản xuất trong nước để giảm phụ thuộc vào nước ngoài; (ii) *Trật tự chính trị có xu hướng dịch chuyển quyền lực từ Tây sang Đông* do hậu quả đại dịch Covid-19 để lại cho các nước phương Tây là khá nặng nề, thậm chí là nguy cơ khủng hoảng nợ công, trong khi Trung Quốc lại được hưởng lợi từ phục hồi sớm.

1.4. Dịch chuyển chuỗi cung ứng

Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc đã bắt đầu kể từ sau năm 2008 khi nền kinh tế toàn cầu chứng kiến sự tái cân bằng với một số nền kinh tế mới nổi đã trở thành động lực mới về nhu cầu và các công ty đa quốc gia di dời chuỗi cung ứng trong hoặc xung quanh các thị trường này. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 khiến các nước bắt đầu thay đổi nhận thức về chuỗi cung ứng, đầu tư, phân tán rủi ro, hạn chế tác động dây chuyền, hướng tới lựa chọn địa điểm đầu tư mới đáp ứng những điều kiện về nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, môi trường sinh thái, dịch vụ y tế và năng lực quản trị quốc gia. Đại dịch COVID-19 cho thấy rủi ro và chi phí của việc dựa vào một nguồn cung ứng duy nhất như Trung Quốc lớn như thế nào (Carlos Cordon 2020). Đại dịch cũng làm xuất hiện một quan điểm mạnh mẽ, được nhiều quốc gia chia sẻ rằng họ không nên phụ thuộc vào một Trung Quốc độc đoán, không có trách nhiệm và không an toàn với các quy trình không công bằng và mờ nhạt của mình khi mua sắm hàng hóa và dịch vụ thiết yếu (Yogesh Gupta 2020). Một số công ty khổng lồ như Apple, Microsoft và Procter

& Gamble thông báo lợi nhuận sẽ sụt giảm vì sự phụ thuộc quá lớn vào Trung Quốc. Sau dịch COVID-19, các công ty Mỹ hoạt động tại Trung Quốc không chỉ đối mặt với rủi ro về chi phí lao động tại Trung Quốc tăng và thuế của Mỹ, mà còn đối mặt với rủi ro về phụ thuộc thị trường, khiến cho xu hướng dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc càng được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, những tổn thất to lớn về sinh mạng con người cũng như kinh tế do đại dịch COVID-19 tại các quốc gia như Mỹ, Anh, EU, Nhật Bản, Ấn Độ và các nước khác đã làm gia tăng sự giận dữ của cộng đồng quốc tế đối với Trung Quốc. Giới lãnh đạo ở các nước phương Tây có nhiều lý do để kích hoạt các chính sách dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc.

UNCTAD (6/2020) đã xây dựng bốn khả năng/xu hướng tái định hình chuỗi cung ứng trong tương lai sau đại dịch COVID-19 gồm: (1) Đưa hoạt động sản xuất về trong nước hoặc ở gần nước mình (reshoring); (2) đa dạng hóa chuỗi (diversification); (3) khu vực hóa chuỗi (regionalization); (3) nhân rộng chuỗi (replication). Theo xu hướng (1), chuỗi cung ứng toàn cầu (GVC) sẽ ít phân mảnh và phân tán hơn về mặt địa lý. Công nghệ tự động hóa sử dụng robot đóng vai trò then chốt vì giảm nhu cầu lao động dẫn đến giảm nhu cầu đầu tư ra nước ngoài. Xu hướng này có thể xảy ra với các ngành công nghệ cao, tham gia nhiều vào GVC như máy móc thiết bị, điện tử và công nghiệp ô tô. Xu hướng này cũng có thể diễn ra với các dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ có giá trị gia tăng thấp hơn, như các bộ phận trong chuỗi giá trị bán lẻ và bán buôn, hoặc chuỗi giá trị vận tải và logistics. Theo xu hướng (2), một số ngành sẽ đi ngược lại xu hướng (1), theo đó chuỗi sẽ đa dạng hơn và vì vậy tăng khả năng phục hồi của các chuỗi. Khả năng chủ yếu xảy ra với

các ngành dịch vụ, hoặc các ngành đã tham gia sâu vào chuỗi hiện tại là những ngành có khả năng đạt được nhiều lợi ích kinh tế từ tính phức tạp và phân mảnh của các GVC. Theo xu hướng (3), các chuỗi sẽ trở lên khu vực hóa nhiều hơn, đây là kết quả của việc thu hẹp các chuỗi từ cấp độ toàn cầu về cấp độ khu vực hoặc thúc đẩy các chuỗi mới trong phạm vi khu vực. Lý do chính dẫn đến xu hướng này là phát triển của công nghệ số hóa cũng như khai thác vùng nguyên liệu địa phương và sự tương đồng hơn trong khu vực về trình độ phát triển. Xu hướng này sẽ xảy ra chủ yếu với các ngành công nghiệp tham gia vào nhiều GVC cũng có thể nhân rộng mô hình của họ ở cấp độ khu vực, ví dụ trong ngành công nghiệp ô tô. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng của thị trường dành cho các sản phẩm tiêu dùng không đắt tiền ở các nước đang phát triển - như điện tử hoặc dệt may - cũng sẽ thúc đẩy GVC khu vực trong các ngành này. Xu hướng (4) xảy ra chủ yếu với các chuỗi ngắn, sản xuất phân tán gần với điểm tiêu thụ và được hỗ trợ bởi các công nghệ sản xuất mới - sản xuất bồi đắp hoặc in 3D, ví dụ dược phẩm, dệt may, thực phẩm.

1.5. Bảo hộ thương mại gia tăng

Bảo hộ thương mại có xu hướng gia tăng trở lại khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát trên toàn cầu do sự thay đổi trong nhận thức về tự chủ thương mại, kinh

tế; bất mãn về các biện pháp kiểm soát dịch bệnh khiến chủ nghĩa dân túy đi kèm với chủ trương phi toàn cầu hóa gia tăng. Nhiều quốc gia đề cao vai trò của bảo hộ sản xuất trong nước, tự chủ kinh tế, an ninh năng lượng, thương mại, y tế, giảm phụ thuộc thương mại hoặc giảm phụ thuộc vào chuỗi cung ứng. Theo thống kê của WTO, 50 nước thành viên WTO đã ban hành khoảng 130 biện pháp thương mại liên quan đến đại dịch COVID-19, trong đó 45% có xu hướng hạn chế thương mại, áp đặt các hạn chế định lượng như hạn ngạch, tăng rào cản hoặc cấm xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến y tế, lương thực và một số hàng thiết yếu. Việc không thành công trong biện pháp kiểm soát đại dịch COVID-19 tại Anh, Mỹ và việc không đồng thuận trong các biện pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế tại EU và một số nước khác đang là nhân tố tạo điều kiện cho chủ nghĩa dân túy phát triển đi kèm với xu hướng phi toàn cầu hóa.

Sự lây lan nhanh và rộng cùng các tác động lớn của COVID-19 đã tạo sức ép mới buộc các nước phải thực hiện chính sách bảo hộ. Việc thi hành các biện pháp đóng cửa biên giới, hạn chế xuất khẩu các sản phẩm y tế, thậm chí ngừng cho phép xuất khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu thực phẩm làm các quốc gia bắt đầu lo lắng về vấn đề dự trữ lương thực, cung cấp thực phẩm hay an ninh lương thực². Các công

² Trên thực tế, các rào cản thương mại trong nội bộ châu Âu đã được dựng lên nhanh đến mức đáng chú ý. Tháng 3/2020, Pháp và Đức đã cấm bán trang thiết bị y tế thiết yếu ra bên ngoài biên giới quốc gia, kể cả cho tâm dịch Italy. Ủy ban châu Âu đã phải can thiệp bằng một thỏa thuận: các nước thành viên có thể hạn chế xuất khẩu vật tư y tế sang các nước khác. Tại Hà Lan, quốc gia cô sủng mạnh mẽ cho toàn cầu hóa đang trở nên ngờ vực đối với tự do hóa thương mại. Quốc hội nước này ngày 3/6/2020 đã bác bỏ một thỏa thuận thương mại tự do với khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR). Các nghị sĩ Hà Lan lo ngại rằng thỏa thuận thương mại với Brazil, Argentina, Uruguay và Paraguay sẽ gây thiệt hại cho nông dân Hà Lan và làm trầm trọng hơn hành động phá rừng Amazon. Ấn Độ (4/2020) cấm xuất khẩu máy thở và chất khử trùng. Thụy Sĩ (3/2020) bắt đầu yêu cầu giấy phép xuất khẩu khẩu trang, găng tay, kính bảo hộ và gạc y tế...

cụ chính sách được các nền kinh tế sử dụng chủ yếu là trợ cấp (chiếm 37,1%), các biện pháp bảo hộ dự phòng (18,9%), thuế quan (16%), các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (13%) và các biện pháp khác.

Xu hướng bảo hộ cũng gia tăng khi các quốc gia thực hiện các kế hoạch tái cơ cấu chuỗi cung ứng nhằm cố gắng giảm thiểu sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng từ Trung Quốc. Tại Mỹ, Hiệp hội Tài chính phát triển quốc tế (DFC) và Bộ Quốc phòng Mỹ đã thống nhất quản lý quỹ 100 triệu USD để tái định hình chuỗi cung ứng từ gói tài chính trị giá 2,3 tỷ USD để ứng phó đại dịch COVID-19 đã được thông qua tháng 3/2020. Dự án này là trọng tâm trong nỗ lực đưa chuỗi cung ứng công nghệ quay trở lại Mỹ. Chính phủ Nhật Bản cũng đang khẩn trương thực hiện các kế hoạch tiến hành tái cơ cấu chuỗi cung ứng như dành một khoản ngân sách để tăng cường cấu trúc chuỗi cung ứng vững mạnh thông qua chiến lược đa dạng hóa và dịch chuyển cơ sở sản xuất về Nhật Bản. Ấn Độ, Pháp, Đức cũng có kế hoạch tương tự nhằm giảm nguy cơ bị thiệt hại từ việc nguồn cung từ nước ngoài bị gián đoạn trong thời đại dịch.

1.6. Phát triển thương mại điện tử và hành thành các ngành nghề sử dụng công nghệ 4.0

Đại dịch Covid-19 mặc dù có nhiều tác động tiêu cực song lại là cơ hội cho thương mại điện tử phát triển do các chính sách giãn cách xã hội của các chính phủ. Nhiều loại hình thương mại điện tử bùng phát trong giai đoạn đại dịch Covid-19 và có nhiều tiềm năng tiếp tục gia tăng nhanh trong thời gian tới (cả hình thức B2B hay B2C). Theo thống kê, tỷ trọng người mua hàng online tại các nước OECD tăng từ mức 37% năm 2014 lên 60% năm 2018.

Năm 2019, ước tính có 1,92 tỷ người đã mua hàng hóa hoặc dịch vụ trực tuyến. Doanh số bán lẻ điện tử trên toàn thế giới đạt trên 3,5 nghìn tỷ USD và theo những tính toán mới nhất, thương mại điện tử sẽ còn tăng trưởng mạnh hơn nữa trong tương lai. Riêng tháng 6/2020, lưu lượng truy cập thương mại điện tử bán lẻ toàn cầu đạt mức kỷ lục 22 tỷ lượt truy cập hàng tháng; nhu cầu đặc biệt cao đối với mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như hàng tạp hóa, quần áo cũng như các mặt hàng công nghệ bán lẻ.

Bên cạnh đó, một số ngành nghề mới hoặc phương thức kinh doanh mới xuất hiện và phát triển, đó là những lĩnh vực có khả năng tự động hóa, tốc độ cao và thích ứng với xu thế mới về công nghệ 4.0.

1.7. Bầu cử Tổng thống Mỹ

Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2020 đang nghiêng về ông Joe Biden, cựu Phó Tổng thống Mỹ năm 2015. Sự kiện chuyển giao quyền lực tại Mỹ sẽ diễn ra vào tháng 1/2021- nền kinh tế có vai trò quan trọng và sức ảnh hưởng lớn nhất thế giới - dự kiến sẽ đem lại nhiều thay đổi quan trọng tới không chỉ cho bản thân nước Mỹ mà cả cho kinh tế địa chính trị toàn cầu dựa trên các chính sách mà tân Tổng thống thực hiện trong nhiệm kỳ của mình. Về chính sách ngoại giao, nhiều dự báo cho rằng Ông Biden có quan điểm sẽ tập trung vào “cạnh tranh chiến lược” hơn là đối đầu trực diện; gây dựng lại các quan hệ đồng minh đã xuống cấp,..., chẳng hạn sẽ cố gắng chấm dứt một số cuộc chiến thương mại với châu Âu; cải tổ lại Tổ chức thương mại thế giới (WTO) bằng các quy định mới nhằm chống trợ cấp và hành vi phản thị trường,... Về chính sách thương mại, nhiều dự báo cho rằng Ông Biden có quan điểm hòa hoãn hơn nhiều so với Ông Trump. Tuy nhiên, đảng Dân

chủ từ lâu vẫn ủng hộ thuế nhập khẩu và các biện pháp hạn chế thương mại. Vì thế, dù chính quyền của ông Biden được dự báo vẫn đi theo hướng đi của ông Trump, nhưng nhiều khả năng các chính sách sẽ được thực hiện có kế hoạch, dễ đoán và chậm hơn so với các chính sách bất định của chính quyền của ông Donald Trump. Về chính sách kinh tế Mỹ, Ông Biden ưu tiên các gói kích thích và phát triển cơ sở hạ tầng. Trong chiến dịch tranh cử, đảng Dân chủ đã đưa ra kế hoạch cơ sở hạ tầng kéo dài 10 năm, trị giá 1.300 tỷ USD. Ngoài ra, Ông Biden cũng chú ý tới chính sách thuế - được dự báo là chính sách có tác động lớn nhất đến nền kinh tế Mỹ trong nhiệm kỳ của ông, cụ thể thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được tăng cao nhất, từ 21% lên 28%, thuế thu nhập cá nhân lên mức cao nhất 39,6% từ mức mức 37%; áp thuế an sinh xã hội với người có thu nhập trên 400.000 USD; thuế thặng dư vốn và đánh thuế tối thiểu 15% với thu nhập số sách của các công ty lớn. Thuế suất đối với lợi nhuận thu được từ các công ty con ở nước ngoài của các công ty Mỹ sẽ tăng gấp đôi, lên 21%³.

2. Triển vọng kinh tế thế giới 2021

Kinh tế thế giới được dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021, song sẽ chậm hơn trong giai đoạn trung hạn so với các dự báo trước đó.

Những nhân tố hậu thuẫn cho đà tăng trưởng phục hồi của kinh tế thế giới trong năm 2021 bao gồm: (i) Sự phục hồi mạnh mẽ của của các nền kinh tế/khu vực chủ chốt, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ; (ii) Một số động lực tăng trưởng mới xuất hiện của kinh tế thế giới trong giai đoạn này, đặc biệt là sự phát triển nhanh của

kinh tế chia sẻ và Cách mạng công nghiệp 4.0 có thể tạo ra những đột phá mới hỗ trợ đà tăng trưởng của kinh tế toàn cầu; (iii) Tác động của việc thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có Hiệp định RCEP giữa 10 nước khu vực ASEAN và 5 đối tác gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và Niu Di lân vừa được ký kết.

Bên cạnh đó, nhiều rủi ro cản trở đà tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn đang hiệu hữu và một số có xu hướng gia tăng, được coi là hệ lụy sau đại dịch Covid-19, gồm: (i) Đại dịch Covid-19 đang vẫn đang tiếp diễn nghiêm trọng ở nhiều nước và chưa có dấu hiệu ngừng lại; (ii) Bảo hộ thương mại, chiến tranh thương mại, chống toàn cầu hóa; (iii) Rủi ro tài chính có xu hướng gia tăng sau đại dịch, hệ lụy của các chính sách và các gói hỗ trợ đặc biệt của các nước; (iii) Những bất ổn địa chính trị, nghèo đói, thất nghiệp, bất bình đẳng kèm theo bất ổn về kinh tế do đại dịch Covid-19 tạo ra vẫn đang có xu hướng gia tăng tại nhiều khu vực trên thế giới.

Trên cơ sở phân tích các nhân tố tích cực hậu thuẫn và các rủi ro thách thức cản trở đà tăng trưởng phục hồi kinh tế thế giới năm 2021 như trên, cập nhật các dữ liệu đến tháng 11/2020 dựa trên mô hình kinh tế lượng toàn cầu (NIGEM), dự báo kinh tế thế giới năm 2021 sẽ phục hồi mạnh mẽ. Mức tăng trưởng trong giai đoạn này được dự báo theo 2 kịch bản sau:

Kịch bản thấp: Kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều trở ngại ảnh hưởng tiêu cực tới đà tăng trưởng do đà phục hồi của các nước chủ chốt chưa ổn định (tăng trưởng của Mỹ, Trung Quốc năm 2021 không đạt kỳ vọng, đại dịch Covid-19 chưa hoàn

³ Nguồn: Reuters

toàn được kiểm soát ở một số nước, cạnh tranh chiến lược giữa các nước gia tăng, chủ nghĩa bảo hộ diễn ra mạnh hơn, cản trở lộ trình theo dự kiến của một số hiệp định (giả định Hiệp định RCEP chưa được thông qua ở các nước thành viên và chưa có hiệu lực trong năm 2021) hạn chế dòng đầu tư và thương mại quốc tế, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang. Một số giả định cụ thể như sau: (i) Chiến tranh thương mại tiếp tục leo thang (Mỹ đánh thuế nôt 30% thuế đối với toàn bộ 500 tỷ hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc; Trung Quốc cũng đánh thuế trả đũa lên toàn bộ hàng hóa của Mỹ;)ii) Kinh tế Mỹ, Trung Quốc không đạt kỳ vọng do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại, lần lượt đạt mức 2,5%, 7% trong năm 202; (iii) Kinh tế khu vực EU chưa phục hồi ổn định do ảnh hưởng của làn sóng Covid thứ 2, tăng trưởng chỉ đạt 1,5% năm 2021;

Kịch bản cao: Kịch bản cao diễn ra với những diễn biến tích cực: kinh tế các nước phục hồi ổn định đạt kỳ vọng, chiến tranh thương mại kết thúc (theo kịch bản khả quan, Mỹ và Trung Quốc gỡ bỏ thuế hoàn toàn); cạnh tranh giữa các nước lớn tiếp tục tăng, nhưng đạt được một số thỏa thuận, nỗ lực đàm phán các hiệp

định thương mại tự do (FTA) thành công (Hiệp định RCEP có hiệu lực vào năm 2021 khiến tăng trưởng các nước thành viên tăng và khu vực tăng), các tổ chức đa phương cải tổ, thúc đẩy thương mại toàn cầu. Một số giả định cụ thể như sau: (i) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc kết thúc; (ii) Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc phục hồi năm 2021 (8%), tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ phục hồi ở mức 3,5% trong năm 2021; (iii) Hiệp định RCEP có hiệu lực, làm thuế suất trung bình của Trung Quốc cho Nhật Bản và Hàn Quốc giảm tương ứng 24% và 29% vào năm 2021.

Trên cơ sở ứng dụng mô hình kinh tế lượng toàn cầu NIGEM, các tác giả dự báo triển vọng kinh tế thế giới theo 2 kịch bản trên như sau:

Theo kịch bản cao, những diễn biến tích cực của kinh tế thế giới sẽ thúc đẩy tăng trưởng GDP thế giới có thể đạt mức 5,1% năm 2021 (Bảng 1). Theo kịch bản thấp, GDP thế giới được dự báo sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các nhân tố tiêu cực, trong đó đặc biệt là chiến tranh thương mại leo thang, theo đó tăng trưởng GDP của kinh tế thế giới dự báo sẽ chỉ đạt mức 3.9% năm 2021 (Bảng 1).

Bảng 1. Triển vọng tăng trưởng thế giới và các khối nước/khu vực chủ chốt

Năm	Thế giới	Mỹ	Eurozone	Nhật Bản	T.Quốc	Singapore	Hàn Quốc
2019	2.8	2.2	1.3	0.7	6.1	0.7	2.0
2020	-4.5	-3.6	-8.3	-5.9	1.9	-5.4	-1.7
Kịch bản thấp							
2021	3.9	2.5	1.5	1.4	7.0	3.1	1.6
Kịch bản cao							
2021	5.2	3.5	3.9	2.5	8	5.1	3.9

Nguồn: Tính toán của các tác giả